

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST

Ngày 17/7/2025

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi
con chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lộc Sơn Thái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Bình.

Ông Nông Dương Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Phương Chi - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoàng Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2025 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2025; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lương Văn C, địa chỉ: Thôn Bản H, xã Hồng T, huyện Bình G, tỉnh Lạng Sơn (nay là thôn Bản H, xã Tân V, tỉnh Lạng Sơn); vắng mặt.

Người ủy quyền nhận văn bản tố tụng: Chị Hoàng Phương L; địa chỉ: Nguyễn K, Yên H, Quận Cầu G, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nông Thị T, hộ khẩu thường trú: Thôn Bản H, xã Hồng T, huyện Bình G, tỉnh Lạng Sơn; (nay là thôn Bản H, xã Tân V, tỉnh Lạng Sơn); địa chỉ hiện tại: Hokkaido, Hakodate-shi, Minato-cho 3-18-27-503 Pure Palace Minato III (Nhật B); vắng mặt.

Người ủy quyền nhận văn bản tố tụng: Anh Nguyễn Văn H; địa chỉ: Nguyễn K, Yên H, Quận Cầu G, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại bản tự khai, nguyên đơn anh Lương Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nông Thị T kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hồng T, huyện Bình G, tỉnh Lạng Sơn vào năm 2015. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sinh sống hòa

thuận. Mâu thuẫn phát sinh từ năm 2020, nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế, bất đồng quan điểm sống, chị Nông Thị T về nhà ngoại sinh sống từ cuối năm 2024, đến ngày 23/12/2024 chị Nông Thị T đi nước ngoài (Nhật B) làm việc. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân rơi vào bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị Nông Thị T.

Về con chung, quá trình chung sống giữa anh và chị Nông Thị T có 02 con chung là cháu Lương Gia V, sinh ngày 22/7/2015 và cháu Lương Nhật M, sinh ngày 17/12/2018, hiện nay 02 cháu đang sinh sống với anh. Khi ly hôn anh có nguyện vọng nuôi cả 02 con chung và yêu cầu chị Nông Thị T cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng là 2.000.000đ/tháng cho đến khi 02 con trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng anh không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc thường xuyên bận nên anh không thể trực tiếp đến Tòa án làm việc được, anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh trong suốt quá trình tố tụng. Anh ủy quyền cho chị Hoàng Phương L nhận văn bản tố tụng thay.

Tại bản tự khai đề ngày 22/5/2025 chị Nông Thị T trình bày: Về quan hệ hôn nhân, chị và anh Lương Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hồng T, huyện Bình G, tỉnh Lạng Sơn vào năm 2015. Do tình cảm vợ chồng không còn anh chị đã sống ly thân nhau từ năm 2020 đến nay. Việc anh C xin ly hôn chị cũng đồng ý ly hôn. Quá trình chung sống giữ chị và anh Lương Văn C có 02 người con chung là cháu Lương Gia V, sinh ngày 22/7/2015 và cháu Lương Nhật M, sinh ngày 17/12/2018, hiện nay 02 cháu đang sinh sống với anh Lương Văn C. Khi ly hôn chị để 02 con chung cho anh C nuôi và hàng tháng cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng là 2.000.000đ/tháng cho đến khi 02 con trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng anh không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc chị T cũng đang làm việc tại nước ngoài do đó không thể trực tiếp đến Tòa án làm việc được, chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Chị ủy quyền cho anh Nguyễn Văn H; địa chỉ: Nguyễn K, Yên H, Quận Cầu G, thành phố Hà Nội; nhận văn bản tố tụng thay.

Tại đơn trình bày của cháu Lương Nhật M và cháu Lương Gia V có nội dung: Các cháu đều là con chung của anh Lương Văn C và chị Nông Thị T, nếu bố mẹ các cháu xin ly hôn nhau, các cháu đều có nguyện vọng được ở với bố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 57, 58, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử:

- Về quan hệ hôn nhân xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn anh Lương Văn C.

- Về con chung: Anh Lương Văn C được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung cháu Lương Gia V, Lương Minh Nhật cho đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, chị T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/02 con/tháng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng từ tháng 07/2025; chị T không phải chịu lãi xuất chậm cấp dưỡng do anh C không yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Về án phí Nguyên đơn anh Lương Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326, chị Nông Thị T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng theo quy định tại điểm a, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nông Thị T có nơi cư trú hiện nay: Hokkaido, Hakodate-shi, Minato-cho 3-18-27-503 Pure Palace Minato III (Nhật B), được xác nhận thông qua Đại sứ quán nước CHXHCN Việt Nam tại Nhật B chứng thực (Số chứng thực: 213-SCT/CK-ĐC; Quyền số: I/2025; Ngày 22/5/2025). Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37, Điều 38 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Phiên tòa mở lần thứ nhất, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên toà nhưng đều đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lương Văn C và chị Nông Thị T kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hồng T, huyện Bình G, tỉnh Lạng Sơn vào năm 2015. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sinh sống hòa thuận. Mâu thuẫn phát sinh từ năm 2020, nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế, bất đồng quan điểm sống, chị Nông Thị T về nhà ngoại sinh sống từ cuối năm 2020, đến ngày 23/12/2024 chị Nông Thị T đi nước ngoài (Nhật B) làm việc. Nay cả anh C và chị T đều cho rằng vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể cùng nhau xây dựng hạnh phúc, vun đắp cho gia đình. Anh Lương Văn C xin ly hôn chị Nông Thị T cũng đồng ý, nhất trí ly hôn. Do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cần công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lương Văn C xin ly hôn chị Nông Thị T theo Điều 55 Luật hôn nhân gia đình có hướng dẫn tại Điều 3, Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao.

[4] Về con chung: Có 02 người con chung là cháu Lương Gia V, sinh ngày 22/7/2015 và cháu Lương Nhật M, sinh ngày 17/12/2018, hiện nay 02 cháu đang

sinh sống với anh Lương Văn C. Cả nguyên đơn và bị đơn đều thỏa thuận thống nhất cho anh Lương Văn C nuôi 02 con và mức cấp dưỡng là 2.000.000đ/tháng/02 cháu. Xét nguyện vọng của 02 cháu là đều muốn ở với anh Lương Văn C, do đó cần giao 02 người con chung cho anh Lương Văn C nuôi, hàng tháng chị Nông Thị T cấp dưỡng 02 con mỗi tháng là 2.000.000đ/tháng cho đến khi 02 con trưởng thành. Thời điểm cấp dưỡng kể từ khi xét xử sơ thẩm tháng 7 năm 2025.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

[7] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5; điểm b, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 3 Điều 11 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì nguyên đơn và bị đơn mỗi người phải chịu 25% mức án phí quy định. Cụ thể anh Lương Văn C và chị Nông Thị T mỗi người phải chịu 75.000đ án phí sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước. Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Bị đơn chị Nông Thị T phải chịu 150.000đ. Tổng cộng số tiền chị Nông Thị T phải nộp là 225.000đ sung vào công quỹ Nhà Nước. Sau khi khấu trừ số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006160 ngày 25/4/2025 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn, anh Lương Văn C được hoàn trả 225.000đ.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tương đối phù hợp với nhận định của HĐXX về phần nội dung tuy nhiên đối với phần đề nghị HĐXX quyết định về quan hệ hôn nhân, về án phí là chưa phù hợp do đó HĐXX sẽ xem xét quyết định theo quy định của pháp luật.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5; điểm b, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lương Văn C và chị Nông Thị T (Giấy chứng nhận kết hôn số 17/2015 ngày 30/9/2015 của Ủy ban nhân dân xã Hồng T, huyện Bình G, tỉnh Lạng Sơn).

2. Về con chung: Anh Lương Văn C được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung cháu Lương Gia V, sinh ngày

22/7/2015 và cháu Lương Nhật M, sinh ngày 17/12/2018, hàng tháng chị Nông Thị T cấp dưỡng 02 con mỗi tháng là 2.000.000đ/tháng cho đến khi 02 con trưởng thành. Thời điểm cấp dưỡng kể từ khi xét xử sơ thẩm tháng 7 năm 2025.

Chị Nông Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí sơ thẩm: Anh Lương Văn C và chị Nông Thị T mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn đề sung vào ngân sách Nhà nước.

Chị Nông Thị T phải chịu 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng số tiền chị Nông Thị T phải nộp là 225.000đ sung vào công quỹ Nhà Nước.

Xác nhận anh Lương Văn C đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006160 ngày 25/4/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn. Sau khi khấu trừ, hoàn trả cho anh Lương Văn C số tiền 225.000 đồng.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự./.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- VKSND Tối cao;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- THADS tỉnh Lạng Sơn;;
- UBND xã Tân V, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS vụ án, Tòa DS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lộc Sơn Thái